TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 21 - 4 - 2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Thái.

Ông Võ Văn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Chấm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị D, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ nơi tạm trú: khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh Trần Thanh D, sinh năm 1990 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 25 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đồng Thị D trình bày: Chị và anh Trần Thanh D kết hôn do quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 28 tháng 02 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn

do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh D. Về con chung chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2016 và Trần Thị Bảo C, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2019 hiện nay đang sống chung với chị, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Bị đơn anh Trần Thanh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Đồng Thị D.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đồng Thị D đối với anh Trần Thanh D; về con chung chị D trực tiếp nuôi 02 cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2016 và Trần Thị Bảo C, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2019, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; bị đơn anh Trần Thanh D có nơi cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Nguyên đơn chị D có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt chị D, anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh D, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 28 tháng 02 năm 2015, việc kết hôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống chung đến năm 2020 thì ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn theo như chị D trình bày là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi, thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau. Thấy rằng hôn nhân của chị D và anh D chỉ tồn tại trong thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị sống ly thân, thời gian ly thân anh chị không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị D và anh D tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng anh D không đến Tòa án, điều đó chứng tỏ rằng anh D có ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm với chị D nên có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm

của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh D.

[3] Về con chung: Trong quá trình hôn nhân, chị D và anh D có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2016 và Trần Thị Bảo C, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2019 hiện nay đang sống chung với chị D, khi ly hôn chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con, đối với anh D không có yêu cầu giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại 02 cháu đang sống chung với chị D nên để bảo đảm ổn định cho cuộc sống của 02 cháu thiết nghĩ để cho chị D tiếp tục nuôi con là phù hợp. Do chị D không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị D nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung, đối với anh D không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp thì những người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị Đồng Thị D phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của bà Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đồng Thị D.

Chị Đồng Thị D được ly hôn với anh Trần Thanh D.

[2] Về con chung: Chị Đồng Thị D trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2016 và Trần Thị Bảo C, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2019 hiện nay đang sống chung với chị D; anh Trần Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn chị Đồng Thị D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, ngày 28/02/2015) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện